

Bản án số: 26/2021/DSPT
Ngày: 24/11/2021
*V/v "tranh chấp bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm hại"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán:* Ông Phan Minh Dũng

Ông Võ Công Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Đình Q; cư trú tại: Thôn Xuân S, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:*

1. Ông Hồ Văn L

2. Ông Nguyễn H

3. Ông Nguyễn L1

Người đại diện theo pháp luật của ông L1: Bà Nguyễn Thị Sự (văn bản ủy quyền ngày 22/11/2021)

4. Ông Nguyễn Văn D

Người đại diện hợp pháp của ông D: chị Nguyễn Thị Thúy Kh (văn bản ủy quyền ngày 22/11/2021)

5. Ông Nguyễn Văn Đ

6. Ông Nguyễn Minh Đ1

7. Ông Nguyễn Đức D1
8. Ông Nguyễn Văn C
9. Bà Đặng Thị H1
10. Bà Nguyễn Thị Th
11. Chị Trần Thị G
12. Bà Nguyễn Thị B
13. Bà Nguyễn Thị H2
14. Chị Đinh Thị Kim A
15. Chị Nguyễn Thị A2
16. Bà Trần Thị Ngh
17. Bà Trương Thị Bích H3
18. Bà Nguyễn Thị L2
19. Ông Nguyễn Tr

Dại diện theo pháp luật của ông Tr: chị Nguyễn Thị H4 (văn bản ủy quyền ngày 23/11/2021)

20. Ông Trần N (chết năm 2014) có vợ là bà Võ Thị C1

Cùng cư trú tại: Thôn Nhơn S, xã Â1, huyện H, tỉnh Bình Định.

21. Chị Nguyễn Thị Tường V; cư trú tại: Thôn Phú H, xã Â3, huyện H, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Â; Địa chỉ: Thôn Liên H, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã Â: Ông Trần Văn Th1 – Phó Chủ tịch UBND xã Â (văn bản ủy quyền ngày 15/06/2021).

2. Chị Trần Thị Th2; cư trú tại: Thôn Xuân S, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định (vắng)

- Người kháng cáo: Anh Trần Đình Q - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Đình Q trình bày:

Thửa đất có tục danh Đồi Gò M tại thôn Xuân S, xã Â, huyện H, tỉnh Bình đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H giao cho Nông trường An S trồng dưa. Sau khi Nông trường An S trả lại đất cho UBND huyện H, UBND huyện H đã giao cho UBND xã Â sử dụng làm quỹ đất công ích. Tháng 12/2007, UBND xã Â tổ chức đấu thầu đất công ích, thời hạn 05 năm, anh là

người trúng thầu với diện tích là 20.000m², loại đất trồng keo. Sau đó anh tiến hành trồng cây keo trên toàn bộ thửa đất, đến cuối năm 2012 thì khai thác.

Ngày 31/12/2012, UBND xã A tiếp tục ký hợp đồng cho anh thuê lại 20.000m² đất nêu trên nên anh tiếp tục trồng keo trên phần diện tích đất đã thuê. Lúc này các hộ dân ở gần thửa đất cho rằng thửa đất anh đang thuê của UBND xã A là rẫy cũ của họ nên ngăn cản không cho anh trồng keo.

Ngày 06/02/2013, ông Hồ Văn L và 20 người cùng ở thôn Nhon S, xã A1 đã nhổ 9.500 cây keo của anh mới trồng được 03 tháng tuổi. Vì vậy, anh yêu cầu ông Hồ Văn L, ông Nguyễn H, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Minh Đ1, ông Nguyễn Đức D1, ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H1, bà Nguyễn Thị Th, chị Trần Thị G, chị Nguyễn Thị Tường V, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H2, chị Đinh Thị Kim A, chị Nguyễn Thị A1, chị Trần Thị Ngh, bà Trương Thị Bích H3, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Tr bồi thường thiệt hại tài sản cho anh với số tiền 210.000.000 đồng (theo số tiền mà anh bán cây keo đợt 1 từ năm 2007 đến 2012).

Bị đơn ông Hồ Văn L, ông Nguyễn H, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Minh Đ1, ông Nguyễn Đức D1, ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H1, bà Nguyễn Thị Th, chị Trần Thị G, chị Nguyễn Thị Tường V, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H2, chị Đinh Thị Kim A, chị Nguyễn Thị A1, chị Trần Thị Ngh, bà Trương Thị Bích H3, bà Nguyễn Thị L2 và ông Nguyễn Tr thống nhất trình bày:

Tất cả các bị đơn thừa nhận có nhổ cây keo của anh Q tại phần đất có tục danh Đồi Gò M. Các bị đơn cho rằng phần đất hiện nay anh Q thuê của UBND xã A là rẫy của các ông bà khai hoang từ năm 1979 – 1982 để canh tác trồng mỳ (sắn), sau đó chuyển sang trồng đào (điều). Sau đó, Nông trường An S lấy đất của các ông bà để trồng dứa và hứa sau 05 năm sẽ trả lại đất nên các ông bà đồng ý giao đất cho Nông trường. Sau khi Nông trường An S không sử dụng đất thì UBND xã A lấy đất để trồng cây keo, không thông báo cho các ông bà biết.

UBND xã A giao đất của các ông bà cho anh Q sử dụng trồng cây keo và đã khai thác cuối năm 2012. Năm 2013 anh Q tiếp tục trồng keo trên phần đất này. Các ông bà không đồng ý nên ngăn cản không cho anh Q trồng nhưng anh Q vẫn trồng nên các ông bà nhổ keo của anh Q. Các ông bà không đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của anh Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã A trình bày:

Sau khi Nông trường An S trả lại đất, UBND huyện H giao cho UBND xã A sử dụng làm quỹ đất công ích. UBND xã A cho anh Q thuê đất là có chủ trương của UBND huyện. UBND xã A tổ chức đấu thầu công khai, đúng trình tự, thủ tục. Các bị đơn nhổ cây keo của anh Q là trái quy định pháp luật, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Th2 trình bày:

Chị là vợ anh Trần Đình Q. Chị thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của anh Q.

Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

Đình chỉ phần khởi kiện dân sự giữa anh Trần Đình Q với ông Trần N.

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Trần Đình Q.

Buộc ông Hồ Văn L, ông Nguyễn H, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Minh Đ1, ông Nguyễn Đức D1, ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H1, bà Nguyễn Thị Th, chị Trần Thị G, chị Nguyễn Thị Tường V, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H2, chị Đinh Thị Kim A, chị Nguyễn Thị A1, chị Trần Thị Ngh, bà Trương Thị Bích H3, bà Nguyễn Thị L2 phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Đình Q, chị Trần Thị Th2 36.100.000 đồng, theo phần mỗi bị đơn phải bồi thường là 1.805.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 29/6/2021, nguyên đơn anh Trần Đình Q kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Đình Q; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Đình Q giữ nguyên kháng cáo yêu cầu các bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh số tiền 54.150.000 đồng (theo kết quả trưng cầu định giá của Công an huyện H), Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh có một phần lỗi nên phải chịu trách nhiệm 30% thiệt hại là không đúng vì anh không có lỗi. Xét kháng cáo của anh Trần Đình Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Thửa đất có tục danh Đồi Gò M tại thôn Xuân S, xã A, huyện H, tỉnh Bình được UBND huyện H giao cho Nông trường An S trồng dưa. Ngày 30/8/2007, Nông trường An S trả lại đất cho UBND huyện H. UBND huyện H giao toàn bộ khu đất này cho UBND xã A quản lý, sử dụng làm quỹ đất công ích. Tháng 12/2007, UBND xã A được sự đồng ý của UBND huyện H tổ chức đấu thầu đất công ích. Anh Trần Đình Q là người trúng thầu với diện tích là 20.000m², loại đất trồng keo, thời hạn 05 năm. Anh Q đã trồng cây keo trên toàn bộ thửa đất đến cuối năm 2012 thì khai thác.

Ngày 31/12/2012, UBND A tiếp tục ký hợp đồng cho anh Q thuê lại 20.000m² đất nêu trên nên anh Q tiếp tục trồng keo trên phần diện tích đất đã thuê. Các ông bà gồm: Hồ Văn L, Nguyễn H, Nguyễn L1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Văn C, Trần N,

Đặng Thị H1, Nguyễn Thị Th, Trần Thị G, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H2, Đinh Thị Kim A, Nguyễn Thị A1, Trần Thị Ngh, Trương Thị Bích H3 và Nguyễn Thị L2 ngăn cản không cho anh Q trồng cây vì các ông bà cho rằng phần đất hiện nay anh Q thuê của UBND xã A là rẫy của các ông bà khai hoang từ năm 1979 – 1982 để canh tác trồng mỳ (sắn) và cây điều. Sau đó, Nông trường An S lấy đất của các ông bà để trồng dứa và hứa sau 05 năm sẽ trả lại đất nên các ông bà đồng ý giao đất cho Nông trường. Sau khi Nông trường An S không sử dụng đất, UBND xã A lấy đất để trồng cây keo, không có thông báo cho các ông bà biết. Các ông bà đã báo cáo chính quyền địa phương nên Công an xã A đã lập biên bản yêu cầu anh Q tạm dừng việc trồng cây chờ kết quả giải quyết của UBND xã nhưng anh Q không chấp hành mà tiếp tục trồng do đó các ông, bà đã nhổ keo của anh Q. Kết quả xác định số lượng cây keo của anh Q do các bị đơn nhổ là 9.025 cây.

Như đã phân tích tại [1], nguồn gốc đất do UBND xã A quản lý, anh Q là người trúng đấu thầu nên anh Q được quyền sử dụng đất đúng với mục đích khi đấu thầu tuy nhiên các bị đơn đã ngăn cản gây thiệt hại về tài sản cho anh Q nên theo quy định tại Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, các bị đơn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Q.

Theo kết quả trưng cầu định giá của Công an huyện H, cây keo lai 03 tháng tuổi có giá 6000 đồng/cây x 9.025 cây = 54.150.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng anh Q cũng có một phần lỗi do vẫn tiến hành trồng cây khi Công an xã A đã lập biên bản yêu cầu tạm dừng việc trồng cây chờ kết quả giải quyết của UBND xã A nên anh Q phải chịu trách nhiệm một phần do lỗi của mình gây ra. Việc xác định anh Q có một phần lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm là không có cơ sở vì hồ sơ vụ án không có biên bản nào của Công an xã A lập với nội dung nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND xã A xác nhận không có văn bản nào yêu cầu anh Q tạm dừng việc trồng cây vì đất này anh Q đã trúng đấu thầu nên anh Q có quyền trồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị đơn phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Q với số tiền 36.100.000 đồng (tương ứng với 70% thiệt hại) là chưa thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q yêu cầu các bị đơn bồi thường cho anh 54.150.000 đồng (theo kết quả trưng cầu định giá của Công an huyện H) do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Q buộc các bị đơn phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Q số 54.150.000 đồng, chia phần mỗi người phải chịu 2.578.571 đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Q không phải chịu.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Q được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Q không phải chịu.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Đình Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Đình Q; sửa bản án sơ thẩm.

1. Buộc ông Hồ Văn L, ông Nguyễn H, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Minh Đ1, ông Nguyễn Đức D1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Tr, bà Đặng Thị H1, bà Nguyễn Thị Th, chị Trần Thị G, chị Nguyễn Thị Tường V, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H2, chị Đinh Thị Kim A, chị Nguyễn Thị A1, chị Trần Thị Ngh, bà Trương Thị Bích H3 và bà Nguyễn Thị L2 phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng anh Trần Đình Q chị Trần Thị Th2 số tiền 51.571.429 đồng (đã trừ phần của ông Trần N), chia phần mỗi bị đơn phải bồi thường là 2.578.571 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Đình Q không phải chịu. Hoàn lại cho anh Q 5.000.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0006011 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Đình Q không phải chịu nên được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0010344 ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh